

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù)

thuộc dự toán mua sắm Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ Y tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3255/QĐ-BYT ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt nội dung hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-PAS ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Phê duyệt Dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch, phòng chống sốt xuất huyết, hoạt động tiêm chủng mở rộng, hoạt động phòng chống HIV/AIDS, hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-PAS ngày 17 tháng 07 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Phê duyệt Điều chỉnh dự toán kinh phí hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-PAS ngày 29 tháng 07 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-PAS ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT cho gói thầu: Cung cấp hóa

chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Báo cáo E - HSDT số BCĐGKQATTP-2026/565 ngày 04 tháng 09 năm 2026 của Tổ chuyên gia cho Gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Vật tư thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù), bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600422532;
- Tên gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 (Nhiệm vụ đặc thù);
- Giá gói thầu: 2.017.920.690 VND (*Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm mười bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm chín mươi đồng.*)
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng. Xét theo từng phần của gói thầu;
- Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu

Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục I
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	778.968.994	778.968.994	-	-	482.438.994	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	508.635.000	508.635.000	-	-	293.881.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	65.910.840	65.910.840	-	-	30.771.360	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty TNHH Chanu	0314029345	590.753.666	590.753.666	-	-	355.031.370	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	48.858.500	48.858.500	-	-	27.307.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
6	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	67.975.720	67.975.720	-	-	32.634.120	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	245.651.320	245.651.320	-	-	16.582.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
								hiệu lực	
8	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	113.636.080	113.636.080	-	-	28.547.360	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty TNHH MTV Novalab	0317997369	800.708.000	800.708.000	-	-	29.988.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
10	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Lan Oanh	0301442682	47.952.000	47.952.000	-	-	47.952.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
11	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	127.909.800	127.909.800	-	-	23.342.040	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
12	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	180.711.000	180.711.000	-	-	3.175.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	150 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
Tổng cộng							1.371.650.244		

Phụ lục II
THÔNG TIN NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311813	Que thử Oxydase	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311814	Chủng vi khuẩn chuẩn đời F2	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311873	Micropipet 1 kênh 100uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600311908	Phễu lọc nhựa vô trùng 250ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311809	Môi trường Muller-Kauffmann tetrathionate/novobiocin (MKTTn)	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311810	Môi trường Buffered Peptone Water (Nước Pepton đậm)	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311816	Môi trường Slanetz-Bartley không có TTC	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311817	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311720	Chuẩn Tadalafil	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311721	Chuẩn Curcumin	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311728	Chuẩn Piroxicam	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311729	Chuẩn Prednisolon	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311733	Chuẩn Acid Ascorbic	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311740	Chuẩn Melamine	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311768	Chuẩn Metformin Hydrochloride	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311771	Chuẩn Aminotadalafil	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311773	Chuẩn Vitamin B6	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311774	Chuẩn Vitamin B3	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311775	Chuẩn Vitamin B2	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311776	Chuẩn Vitamin B1	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311778	Chuẩn Glucoza	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311779	Chuẩn Fructoza	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311780	Chuẩn Sorbitol	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311781	Chuẩn Sacaroza	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311816	Môi trường Slanetz-Bartley không có TTC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311808	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311810	Môi trường Buffered Peptone Water (Nước Pepton đệm)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311820	Môi trường MacConkey broth	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311830	Giấy lọc đường kính 47mm, kích thước lỗ 0,45um (PTFE)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311832	Giấy lọc đường kính 47 mm, lỗ lọc 0,45 um (Cellulose Acetate)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311833	Pipet thủy tinh 10mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311834	Pipet bầu thủy tinh 10ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311835	Pipet thủy tinh 5mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311836	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311845	Micropipet 1.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311846	Micropipet 5.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311847	Micropipet 10.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311848	Bình thủy tinh nắp xanh 2L	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311849	Chai thủy tinh 500ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị	0303189097	PP2600311850	Chai thủy tinh 1000mL	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Khoa học Nghi Phú				
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311851	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311852	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311853	Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311854	Ống đong thủy tinh 1000 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311855	Ống đong thủy tinh 100 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311856	Ống đong thủy tinh 500 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311857	Bình tam giác 250ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311858	Bình tam giác 125ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311865	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 2 mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311867	Cột ái lực miễn dịch phân tích đồng thời aflatoxin, ochratoxin	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311869	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311872	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311873	Micropipet 1 kênh 100uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311874	Bình định mức 50mL tối màu	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311875	Bình định mức 25mL tối màu	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311876	Bình định mức 10mL tối màu	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311877	Bình định mức 100mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311878	Bình định mức 250mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311879	Bình định mức 1L	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311880	Bình định mức 2L	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311881	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 16 mm, dài 100 mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nghi Phú	0303189097	PP2600311882	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 30 mm, dài 20cm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311833	Pipet thủy tinh 10mL	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311835	Pipet thủy tinh 5mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311846	Micropipet 5.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311847	Micropipet 10.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311865	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 2 mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311872	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311873	Micropipet 1 kênh 100uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311902	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311907	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311806	Dung dịch Javel	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311833	Pipet thủy tinh 10mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311834	Pipet bầu thủy tinh 10ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311835	Pipet thủy tinh 5mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311836	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311851	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311852	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311853	Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311857	Bình tam giác 250ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311858	Bình tam giác 125ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311865	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 2 mL	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311872	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311901	Giấy lau phòng sạch	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311903	Găng tay phẫu thuật vô trùng	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311905	Cán que cấy vi sinh	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311726	Dung dịch Acid sulfuric H ₂ SO ₄	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311755	Hóa chất Potassium iodide	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311803	Hóa chất Na ₂ SO ₄	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311812	Môi trường XLD Agar (Môi trường Xylose lysine deoxycholate agar)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311816	Môi trường Slanetz-Bartley không có TTC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311817	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311819	Môi trường Chromocult Coliform Agar(CCA)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311848	Bình thủy tinh nắp xanh 2L	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311849	Chai thủy tinh 500ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311850	Chai thủy tinh 1000mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311851	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311852	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311853	Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311865	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 2 mL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311868	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18 UPLC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311892	Tiền cột bảo vệ cho cột sắc ký UPLC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311902	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311908	Phễu lọc nhựa vô trùng 250ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311807	Chất bổ sung Egg Yolk emulsion	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311809	Môi trường Muller-Kauffmann tetrathionate/novobiocin (MKTTn)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học	0314634776	PP2600311821	Môi trường MacConkey	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Kỹ Thuật Hoa Thiên			agar	
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311822	Môi trường casein soya bean digest broth (Tryptone Soya Broth)	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311773	Chuẩn Vitamin B6	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311782	Chuẩn Deoxynivalenol in Acetonitrile	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311783	Chuẩn Zearalenone in Acetonitrile	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311846	Micropipet 5.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311847	Micropipet 10.000uL một kênh	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311860	Cột sắc ký lỏng C18 HPLC 150mm*4,6mm	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311861	Tiền cột C18 HPLC	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311871	Cột HPLC C18 250mm*4,6mm	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311873	Micropipet 1 kênh 100uL	Không đáp ứng YCKT
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311904	Dụng cụ trợ pipet cầm tay	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311809	Môi trường Muller-Kauffmann tetrathionate/novobiocin (MKTn)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311810	Môi trường Buffered Peptone Water (Nước Pepton đậm)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311812	Môi trường XLD Agar (Môi trường Xylose lysine deoxycholate agar)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311820	Môi trường MacConkey broth	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311821	Môi trường MacConkey agar	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311824	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311838	Cột UHPLC C18	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311842	Cột chiết pha rắn	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311860	Cột sắc ký lỏng C18 HPLC 150mm*4,6mm	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311861	Tiền cột C18 HPLC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311863	Cột sắc ký lỏng Hilic dùng cho HPLC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311864	Tiền Cột Hilic dùng cho UPLC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311868	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18 UPLC	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311871	Cột HPLC C18 250mm*4,6mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311885	Cột UPLC HSS PFP	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311886	Tiền cột bảo vệ UPLC HSS PFP	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311887	Cột sắc ký Premier BEH Amide	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311888	Tiền cột bảo vệ Premier BEH Amide	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311894	Cột BEH Amide	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311895	Tiền cột dùng cho cột BEH Amide 2.1mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311896	Cột chiết pha rắn	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311897	Cột chiết Zearalenone	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311898	Cột chiết Deoxynivalenol (DON)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311900	Cột chiết	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311735	Dung dịch Acid H3PO4 đậm đặc	Vượt giá kế hoạch
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311843	Giấy Parafilm	Vượt giá kế hoạch
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311849	Chai thủy tinh 500ml	Vượt giá kế hoạch
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật	0309365870	PP2600311850	Chai thủy tinh 1000mL	Vượt giá kế hoạch

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Nam Thảo				
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311884	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 10 mm, dài 75 mm	Vượt giá kế hoạch
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311719	Chuẩn Sildenafil	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311720	Chuẩn Tadalafil	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311721	Chuẩn Curcumin	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311722	Dung dịch Acetonitril	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311723	Dung dịch Acid acetic	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311724	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311727	Chuẩn Cyproheptadine	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311728	Chuẩn Piroxicam	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311729	Chuẩn Prednisolon	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311730	Chuẩn Bethamethason	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311731	Chuẩn Dexamethason	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311732	Chuẩn Sibutramine Hydrochloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311733	Chuẩn Acid Ascorbic	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311736	Hóa chất Ammonium acetate	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311737	Nội Chuẩn Aflatoxin M1 C13	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311738	Nội chuẩn melamin C13	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311739	Chuẩn Aflatoxin M1	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311740	Chuẩn Melamine	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311743	Hóa chất Sodium chloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311744	Hóa chất Sodium carbonate	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311745	Hóa chất Acid metaphosphoric	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311749	Hóa chất acid ascorbic	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311763	Dung dịch Aceton	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311768	Chuẩn Metformin Hydrochloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311769	Chuẩn Gliclazide	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311771	Chuẩn Aminotadalafil	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311772	Chuẩn Vitamin B12	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311774	Chuẩn Vitamin B3	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311775	Chuẩn Vitamin B2	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311776	Chuẩn Vitamin B1	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311777	Chuẩn Vitamin K1	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311778	Chuẩn Glucoza	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311779	Chuẩn Fructoza	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311780	Chuẩn Sorbitol	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
				nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311781	Chuẩn Sacaroza	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311785	Chuẩn Tetracycline	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311786	Chuẩn Oxytetracycline Hydrochloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311787	Chuẩn Chlortetracycline	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311788	Chuẩn Pennicilline V	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311789	Chuẩn Penicillin G Sodium Salt	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311790	Chuẩn Sulfadimidine	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311791	Chuẩn Procaine benzylpenicillin	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311796	Acid citric	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311798	Acid succinic	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311800	Chuẩn Benzylsibutramine hydrochloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311801	Chuẩn Desmetylsibutramin	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311808	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311810	Môi trường Buffered Peptone Water (Nước Pepton đậm)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311811	Môi trường Tryptic soy agar (Môi trường Trypticasein Soy Agar (TSA))	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311812	Môi trường XLD Agar (Môi trường Xylose lysine deoxycholate agar)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311817	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311818	Môi trường Tryptone Bile X-glucuronide (TBX) Agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311819	Môi trường Chromocult Coliform Agar(CCA)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311820	Môi trường MacConkey broth	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311821	Môi trường MacConkey agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311822	Môi trường casein soya bean digest broth (Tryptone Soya Broth)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311823	Bình lắng gạn 1000mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311826	Đầu côn không lọc có khóa 1000 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600311827	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311828	Găng tay cao su không bột	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311829	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311831	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311832	Giấy lọc đường kính 47 mm, lỗ lọc 0,45 μ m (Cellulose Acetate)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311834	Pipet bầu thủy tinh 10ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311836	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311837	Kit tách chiết theo phương pháp Queschers	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311838	Cột UHPLC C18	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600311840	Ống ly tâm 15ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
				nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311841	Ống ly tâm 50 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311842	Cột chiết pha rắn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311843	Giấy Parafilm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311845	Micropipet 1.000uL một kênh	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311848	Bình thủy tinh nắp xanh 2L	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311849	Chai thủy tinh 500ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311850	Chai thủy tinh 1000mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311854	Ống đông thủy tinh 1000 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311855	Ống đông thủy tinh 100 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311856	Ống đông thủy tinh 500 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311857	Bình tam giác 250ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311858	Bình tam giác 125ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311859	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 10 mm, dài 100 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311862	Cột sắc ký khí DB-WAX (30m*0,32mm*0,25um)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311866	Cột chiết tách sắc ký SCX	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Hóa chất - Thiết bị Khoa học Hưng Việt	0305243977	PP2600311867	Cột ái lực miễn dịch phân tích đồng thời aflatoxin, ochratoxin	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311869	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311874	Bình định mức 50mL tối màu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311875	Bình định mức 25mL tối màu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311876	Bình định mức 10mL tối màu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311877	Bình định mức 100mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311878	Bình định mức 250mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311879	Bình định mức 1L	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311880	Bình định mức 2L	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311881	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 16 mm, dài 100 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311882	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 30 mm, dài 20cm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311884	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 10 mm, dài 75 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311889	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18 UPLC	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311890	Cột sắc ký lỏng UPLC	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311893	Cột C18 cho HPLC 6.5*300mmm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311894	Cột BEH Amide	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600311896	Cột chiết pha rắn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311900	Cột chiết	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311902	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311907	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
				nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311731	Chuẩn Dexamethason	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Hóa chất - Thiết bị Khoa học Hưng Việt	0305243977	PP2600311737	Nội Chuẩn Aflatoxin M1 C13	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311738	Nội chuẩn melamin C13	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311772	Chuẩn Vitamin B12	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311777	Chuẩn Vitamin K1	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311786	Chuẩn Oxytetracycline Hydrochloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311790	Chuẩn Sulfadimidine	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311791	Chuẩn Procaine benzylpenicillin	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311800	Chuẩn Benzylsibutramine hydrochloride	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311808	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311808	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311808	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311810	Môi trường Buffered Peptone Water (Nước Pepton đậm)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311811	Môi trường Tryptic soy agar (Môi trường Trypticasein Soy Agar (TSA))	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311811	Môi trường Tryptic soy agar (Môi trường Trypticasein Soy Agar (TSA))	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311811	Môi trường Tryptic soy agar (Môi trường Trypticasein Soy Agar (TSA))	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311812	Môi trường XLD Agar (Môi trường Xylose lysine deoxycholate agar)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311817	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TOÀN CẦU	0304702378	PP2600311818	Môi trường Tryptone Bile X-glucuronide (TBX) Agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311818	Môi trường Tryptone Bile X-glucuronide (TBX) Agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311820	Môi trường MacConkey broth	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311820	Môi trường MacConkey broth	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311821	Môi trường MacConkey agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	0102800460	PP2600311822	Môi trường casein soya bean digest broth (Tryptone Soya Broth)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311822	Môi trường casein soya bean digest broth (Tryptone Soya Broth)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311823	Bình lắng gạn 1000mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600311826	Đầu côn không lọc có khóa 1000 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311826	Đầu côn không lọc có khóa 1000 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600311827	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311827	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311827	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311832	Giấy lọc đường kính 47 mm, lỗ lọc 0,45 um (Cellulose Acetate)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311837	Kit tách chiết theo phương pháp Queschers	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311837	Kit tách chiết theo phương pháp Queschers	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
				nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311837	Kit tách chiết theo phương pháp Queschers	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311840	Ống ly tâm 15ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311840	Ống ly tâm 15ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo	0309365870	PP2600311841	Ống ly tâm 50 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311841	Ống ly tâm 50 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311842	Cột chiết pha rắn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311842	Cột chiết pha rắn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
CÔNG TY TNHH MTV NOVALAB	0317997369	PP2600311845	Micropipet 1.000uL một kênh	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311854	Ống đông thủy tinh 1000 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311855	Ống đông thủy tinh 100 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311856	Ống đông thủy tinh 500 ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Hóa chất - Thiết bị Khoa học Hưng Việt	0305243977	PP2600311862	Cột sắc ký khí DB-WAX (30m*0,32mm*0,25um)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật Minh Khang	0304708309	PP2600311862	Cột sắc ký khí DB-WAX (30m*0,32mm*0,25um)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311866	Cột chiết tách sắc ký SCX	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311866	Cột chiết tách sắc ký SCX	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311874	Bình định mức 50mL tối màu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311875	Bình định mức 25mL tối màu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
				nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311876	Bình định mức 10mL tối màu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311877	Bình định mức 100mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311878	Bình định mức 250mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311879	Bình định mức 1L	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311880	Bình định mức 2L	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311882	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 30 mm, dài 20cm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311896	Cột chiết pha rắn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T	0111000830	PP2600311896	Cột chiết pha rắn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	0104955195	PP2600311900	Cột chiết	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600311902	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên	0314634776	PP2600311902	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600311907	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

PHỤ LỤC III
THÔNG TIN HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt													
1	PP2600311824	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	ACQUITY UPLC BEH C18 Column, 130Å, 1,7 µm, 2,1 mm X 100 mm	186002352	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Sử dụng trên hệ thống UPLC Kích thước hạt 1,7 µm, đường kính trong 2,1 mm, chiều dài 100mm Khoảng pH: 1-12 Áp suất tối đa: 1240 bar Cố: endcapped Lỗ hạt: 130Å % carbon: 18% Pha tĩnh: C18 Diện tích bề mặt: 185 m2/g USP: L1 Công nghệ hạt: BEH	01 cái/hộp	Cái	2	30.624.000	61.248.000
2	PP2600311825	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	ACQUITY Premier BEH C18 Column, 1,7 µm, 2,1 x 100 mm	186009453	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương - Pha tĩnh: C18 - Kích thước hạt: 1,7 µm - Đường thước trong: 2,1 mm - Chiều dài: 100 mm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Carbon Load: 18% - Kích thước lỗ hạt: 130Å - USP: L1 - Khoảng pH: 1 – 12 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 185 m2/g - Công nghệ hạt: BEH - Bề mặt hiệu suất cao MaxPeak	01 cái/hộp	Cái	1	32.837.000	32.837.000
3	PP2600311839	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18	XBridge BEH C18 VanGuard Cartridge,	186007766	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng cao áp	03 cái/hộp	Cái	3	6.548.000	19.644.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			130Å, 3.5 µm, 2.1 mm X 5 mm, 3/pk					Dài : 5mm Kích thước hạt : 3,5 µm Thành phần : C18 pH: 1-12 Áp suất tối đa: 1240 bar Có endcapped Pore size: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m2/g Carbon load: 18%					
4	PP2600311860	Cột sắc ký lỏng C18 HPLC 150mm*4,6mm	Reliant C18 5µm 4.6x150mm Column	186007282	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Reversed Phase Kích thước hạt: 5µm Chiều dài, đường kính cột: 150 x 4,6 mm Khoảng pH: 2-8 Khóa đuôi (End-capped): Có Carbon Load: 16% Kích thước lỗ hạt: 100Å USP: L1 Mật độ phối tử: 3,5 µmol/m2 Khóa đuôi: không	01 cái/hộp	Cái	1	12.593.000	12.593.000
5	PP2600311861	Tiền cột C18 HPLC	SunFire C18 VanGuard Cartridge, 100Å, 5 µm, 3.9 mm X 5 mm	186007699	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Reversed Phase Kích thước hạt: 5µm Chiều dài, đường kính cột: 5 x 3,9 mm Khoảng pH: 2-8 Khóa đuôi (End-capped): Có Carbon Load: 16% Kích thước lỗ hạt: 100Å USP: L1 Diện tích bề mặt: 340 m2/g Nhà thầu cung cấp bao gồm holder	03 cái/hộp	Cái	3	6.629.333	19.887.999
6	PP2600311863	Cột sắc ký lỏng Hilic dùng cho HPLC	ACQUITY UPLC BEH HILIC Column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 100	186003461	2025-2026	Ireland	Waters	Sử dụng cho hệ thống UHPLC, UPLC Chiều dài: 100mm Đường kính trong: 2,1mm Kích thước hạt: 1,7 µm Chế độ phân tách: Hilic	01 cái/hộp	Cái	1	33.686.000	33.686.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			mm					Khoảng pH: 1-9 Áp suất tối đa: 1240 bar Không có: endcapped Lỗ hạt: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g USP: L3					
7	PP2600311864	Tiền Cột Hilic dùng cho UPLC	ACQUITY UPLC BEH HILIC VanGuard Pre-column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 5 mm	186003980	2025-2026	Ireland	Waters	Sử dụng cho hệ thống UHPLC, UPLC Chiều dài: 5mm Đường kính trong: 2,1mm Kích thước hạt: 1,7 µm Chế độ phân tách: Hilic Khoảng pH: 1-9 Áp suất tối đa: 1240 bar Endcapped: có Lỗ hạt: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g USP: L3	03 cái/hộp	Cái	3	8.321.333	24.963.999
8	PP2600311867	Cột ái lực miễn dịch phân tích đồng thời aflatoxin, ochratoxin	AflaOchra HPLC Columns	G1017	2025-2026	USA	Waters	Phát hiện Aflatoxin B1, B2, G1, G2, M1, M2, Orchoatoxin A Thời gian tách độc tố từ mẫu: dưới 10 phút (không bao gồm chuẩn bị và chiết mẫu) Giới hạn phát hiện: từ 0,25 ppb đến 100 ppb Thể tích cột: 3 mL	25 cái/hộp	Cái	150	244.400	36.660.000
9	PP2600311868	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18 UPLC	ACQUITY UPLC BEH C18 VanGuard Pre-column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 5 mm	186003975	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Kích thước hạt 1,7 µm Đường kính trong 2,1mm, chiều dài 5mm pH 1-12 Áp suất tối đa 1240 bar Lỗ hạt: 130Å % carbon: 18% Có: endcapped Diện tích bề mặt: 185 m ² /g USP: L1	03 cái/hộp	Cái	3	7.605.333	22.815.999
10	PP2600311871	Cột HPLC C18 250mm*4,6mm	Reliant C18 5µm 4.6x250mm Column	186007283	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Cột sắc ký lỏng pha đảo C18 cấu tạo bởi lớp silical liên kết C18	01 cái/hộp	Cái	1	14.494.000	14.494.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								biền tính, kích thước hạt nhỏ 5 μ m, chiều dài 250mm, đường kính 4,6mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Khóa đuôi (End-capped): Có Carbon Load: 16% Kích thước lỗ hạt: 100Å USP: L1 Khoảng pH: 2 – 8 Mật độ phối tử: 3,5 μ mol/m ²					
11	PP2600311885	Cột UPLC HSS PFP	ACQUITY UPLC HSS PFP Column, 100Å, 1.8 μ m, 2.1 mm X 50 mm	186005965	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: HSS PFP Thành phần hóa học: PFP/Fluoro-Phenyl USP: L43 Kích thước hạt: 1,8 μ m Chiều dài, đường kính cột: 50 x 2,1 mm Khoảng pH: 2-8 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Pore size: 100Å Diện tích bề mặt: 230 m ² /g Carbon load: 7%	01 cái/hộp	Cái	1	31.021.000	31.021.000
12	PP2600311886	Tiền cột bảo vệ UPLC HSS PFP	ACQUITY UPLC HSS PFP VanGuard Pre-column, 100Å, 1.8 μ m, 2.1 mm X 5 mm	186005974	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 5mm Kích thước hạt : 1,8 μ m Thành phần : PFP/Fluoro-Phenyl pH: 2-8 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Pore size: 100Å Diện tích bề mặt: 230 m ² /g Carbon load: 7% USP: L43	03 cái/hộp	Cái	3	8.321.333	24.963.999
13	PP2600311887	Cột sắc ký Premier BEH	ACQUITY Premier BEH	186009508	2025-2026	Ireland	Waters	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc	01 cái/hộp	Cái	1	32.837.000	32.837.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Amide	Amide VanGuard FIT Column, 1.7 µm, 2.1 mm X 100 mm					tương đương Loại cột: Amide Kích thước hạt: 1,7µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 2,1 mm Khoảng pH: 2-11 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Pore size: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g Bề mặt hiệu suất cao MaxPeak USP: L68					
14	PP2600311888	Tiền cột bảo vệ Premier BEH Amide	ACQUITY Premier BEH Amide VanGuard FIT Cartridge, 1.7 µm, 2.1 x 5 mm	186009510	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 5mm Kích thước hạt : 1,7 µm Thành phần : Amide pH: 2-11 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Pore size: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g Carbon load: 12% USP: L68	03 cái/hộp	Cái	3	6.691.000	20.073.000
15	PP2600311891	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18	ACQUITY UPLC BEH C18 VanGuard Pre-column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 5 mm	186003975	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Kích thước hạt 1,7 µm Đường kính trong 2,1mm, chiều dài 5mm pH 1-12 Áp suất tối đa 1240 bar Lỗ hạt: 130Å % carbon: 18% Có: endcapped Diện tích bề mặt: 185 m ² /g USP: L1	03 cái/hộp	Cái	3	7.605.333	22.815.999
16	PP2600311892	Tiền cột bảo vệ cho cột sắc ký UPLC	Nova-Pak C18 Guard Column, 60Å,	WAT044380	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 3,9 mm	02 cái/hộp	Cái	2	9.772.000	19.544.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			4 µm, 3.9 mm X 20 mm					Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 20mm Kích thước hạt : 4 µm Thành phần : C18 pH: 2-8 Áp suất tối đa: 6000 psi (415 Bar) Pore size: 60Å Diện tích bề mặt: 120 m ² /g Carbon load: 7% USP: L1					
17	PP2600311895	Tiền cột dùng cho cột BEH Amide 2.1mm	ACQUITY UPLC BEH Amide VanGuard Pre-column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 5 mm	186004799	2025-2026	Ireland	Waters	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 5mm Kích thước hạt : 1,7 µm Thành phần : Amide pH: 2-11 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Pore size: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g Carbon load: 12%	03 cái/hộp	Cái	3	8.321.333	24.963.999
18	PP2600311897	Cột chiết Zearalenone	ZearalaTest Column	G1012	2025-2026	USA	Waters	Cột chiết Phát hiện zearalenone - Kích thước cột 1 mL - Sử dụng với nhiều loại mẫu - Phân tích nhanh khoảng 15 phút - Khả năng phát hiện: Phát hiện nồng độ thấp đến 0,1 ppm và cao đến 10 ppm	25 cái/hộp	Cái	50	181.200	9.060.000
19	PP2600311898	Cột chiết Deoxynivaleno l (DON)	DONtest HPLC Column	G1005	2025-2026	USA	Waters	Cột chiết Phát hiện Deoxynivalenol - Kích thước cột 1 mL - Sử dụng với nhiều loại mẫu - Phân tích nhanh trong khoảng 10 phút - Khả năng phát hiện: 0,10ppm đến 5ppm.	25 cái/hộp	Cái	50	185.400	9.270.000
20	PP2600311899	Cột chiết Fumonisin tổng số	FumoniTest Column	G1008	2025-2026	USA	Waters	Cột chiết Phát hiện fumonisin mycotoxins B1, B2 và B3 - Sử dụng với nhiều loại mẫu - Phân tích nhanh trong khoảng 15	25 cái/hộp	Cái	50	181.200	9.060.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								phút - Khả năng phát hiện: 0,016 ppm đến 5ppm.					
Tổng cộng													482.438.994
2. Công ty Cổ phần khoa học công nghệ T&T													
1	PP2600311719	Chuẩn Sildenafil	Sildenafil	CCAD30074 4-50mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 50mg/lọ	50mg	Lọ	2	2.097.000	4.194.000
2	PP2600311720	Chuẩn Tadalafil	Tadalafil	C4X-1087-50mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 50mg/lọ	50mg	Lọ	2	2.646.000	5.292.000
3	PP2600311721	Chuẩn Curcumin	Curcumin	CWLT60014 0-250mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 250mg/lọ	250mg	Lọ	2	1.529.000	3.058.000
4	PP2600311727	Chuẩn Cyproheptadine	Cyproheptadine Hydrochloride Sesquihydrate	CCAD30073 2-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	2	1.971.000	3.942.000
5	PP2600311728	Chuẩn Piroxicam	Piroxicam	CCAD30092 6-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	2	1.580.000	3.160.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
6	PP2600311729	Chuẩn Prednisolon	Hydrocortison e EP Impurity A	C4X-14011-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	2	2.031.000	4.062.000
7	PP2600311730	Chuẩn Bethamethason	Betamethason e	CCAD300087-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	2	3.537.000	7.074.000
8	PP2600311732	Chuẩn Sibutramine Hydrochloride	Sibutramine Hydrochloride	CCAD300745-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	2	3.266.000	6.532.000
9	PP2600311738	Nội chuẩn melamin C13	13C3-Melamine	679703	Từ 2023 trở về sau	Đức	HPC	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 10mg/lọ	10mg	Lọ	5	21.927.000	109.635.000
10	PP2600311739	Chuẩn Aflatoxin M1	Aflatoxin M1 (0.5 µg/mL)	STD#1091	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	Pribolab	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 5,2 ml/lọ	5.2ml	Lọ	1	5.346.000	5.346.000
11	PP2600311740	Chuẩn Melamine	Metformin EP Impurity D	C4X-12204-50mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 50mg/lọ	50mg	Lọ	4	2.451.000	9.804.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
12	PP2600311750	Dung dịch Modifier Mg(NO3)2	Matrix Modifier: Mg(NO3)2 (99.999%) 10 g/l	MM2F6A.10 K.W.L05	Từ 2023 trở về sau	Bulgaria	CPAchem	Magnesium Nitrate Mg(NO3)2 10g/l in H2O Masured Concentration: 10000 +/- 50 mg/l Magnesium Nitrate Quy cách đóng gói 50ml/chai	50ml	Chai	2	2.694.000	5.388.000
13	PP2600311751	Dung dịch Modifier NH4H2PO4 10%	Matrix Modifier: NH4H2PO4 (99.999%) 100 g/l	MMCFE0.10 0K.1N.L05	Từ 2023 trở về sau	Bulgaria	CPAchem	Ammonium Dihydrogen Phosphate NH4H2PO4 100 g/l in 1% HNO3 Masured Concentration: 100000 +/- 500 mg/l Ammonium Dihydrogen Phosphate Quy cách đóng gói 50ml/chai	50ml	Chai	2	4.839.000	9.678.000
14	PP2600311752	Dung dịch Modifier Pd(NO3)2	Palladium Matrix Modifier Pd - 10.0 +/- 0.2 g/l	MM4CF5.10 K.15N.L05	Từ 2023 trở về sau	Bulgaria	CPAchem	Palladium (Pd) 10g/l in 15% HNO3 Masured Concentration: 10 000+/- 50 mg/l Palladium Quy cách đóng gói 50ml/chai	50ml	Chai	1	12.004.000	12.004.000
15	PP2600311768	Chuẩn Metformin Hydrochloride	Metformin Hydrochloride	C4X-1220-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	2.204.000	2.204.000
16	PP2600311769	Chuẩn Gliclazide	Gliclazide	CCAD30053 4-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	2.139.000	2.139.000
17	PP2600311771	Chuẩn Aminotadalafil	Amino Tadalafil	CCAD30093 0-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	9.843.000	9.843.000
18	PP2600311773	Chuẩn Vitamin B6	Pyridoxine	CCPD101747 -100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương	100mg	Lọ	1	2.120.000	2.120.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								- Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ					
19	PP2600311774	Chuẩn Vitamin B3	Nicotinamide	VIT-006N	Từ 2023 trở về sau	Mỹ	AccuStandard	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 1g/lọ	1g	Lọ	2	1.887.000	3.774.000
20	PP2600311775	Chuẩn Vitamin B2	Vitamin B2	CCFD200001-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	1.987.000	1.987.000
21	PP2600311776	Chuẩn Vitamin B1	Vitamin B1	CCHM700650-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	3.110.000	3.110.000
22	PP2600311777	Chuẩn Vitamin K1	Vitamin K1	CCFD200278-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	1.878.000	1.878.000
23	PP2600311778	Chuẩn Glucoza	D(+)-Glucose	CCHM700477-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	1.604.000	1.604.000
24	PP2600311779	Chuẩn Fructoza	D(-)-Fructose	CFAD310560-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034	100mg	Lọ	1	1.306.000	1.306.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ					
25	PP2600311780	Chuẩn Sorbitol	D-Sorbit	CFAD310576-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	1.471.000	1.471.000
26	PP2600311781	Chuẩn Sacaroza	D-(+)-Saccharose	CFAD310517-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	1.918.000	1.918.000
27	PP2600311782	Chuẩn Deoxynivalenol in Acetonitrile	Deoxynivalenol (100 µg/mL)	STD#3102	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	Pribolab	Nồng độ 100 µg/mL - Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 1,2 ml/lọ	1.2ml	Lọ	1	2.727.000	2.727.000
28	PP2600311783	Chuẩn Zearalenone in Acetonitrile	Zearalenone (25 µg/mL)	STD#4011	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	Pribolab	Nồng độ 25 µg/mL Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 1,2 ml/lọ	1.2ml	Lọ	1	1.980.000	1.980.000
29	PP2600311784	Chuẩn Fumonisin mix	Fumonisin B1,B2 (100 µg/mL)	STD#2015	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	Pribolab	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 1,2 ml/lọ	1.2ml	Lọ	1	5.346.000	5.346.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
30	PP2600311785	Chuẩn Tetracycline	Tetracycline	C4X-2331-100mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg	Lọ	1	2.115.000	2.115.000
31	PP2600311786	Chuẩn Oxytetracycline Hydrochloride	Oxytetracycline Hydrochloride	CTTC210108-250mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 250mg/lọ	250mg	Lọ	1	1.958.000	1.958.000
32	PP2600311787	Chuẩn Chlortetracycline	Chlortetracycline hydrochloride	C4X-2330-250mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 250mg/lọ	250mg	Lọ	1	2.167.000	2.167.000
33	PP2600311789	Chuẩn Penicillin G Sodium Salt	Penicillin G Sodium Salt	CCHM700206-250mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 250mg/lọ	250mg	Lọ	1	1.878.000	1.878.000
34	PP2600311790	Chuẩn Sulfadimidine	Sulfamethazine	CCAD300441-250mg	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	CATO	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 250mg/lọ	250mg	Lọ	1	1.714.000	1.714.000
35	PP2600311800	Chuẩn Benzylsibutramine hydrochloride	Benzylsibutramine hydrochloride	680382	Từ 2023 trở về sau	Đức	HPC	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 10mg/lọ	10mg	Lọ	1	17.978.000	17.978.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
36	PP2600311801	Chuẩn Desmethylsibutramin	Desmethyl Sibutramine	TRC-D292171-5MG	Từ 2023 trở về sau	Canada	TRC	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 5mg/lọ	5 mg	Lọ	1	8.957.000	8.957.000
37	PP2600311811	Môi trường Tryptic soy agar (Môi trường Trypticasein Soy Agar (TSA))	Tryptone Soya Agar (TSA)	GF1018F	Từ 2023 trở về sau	Trung Quốc	Biocomma	Thành phần như sau: - Tryptone (hoặc Casein Peptone hoặc Casein peptone (pancreatic) hoặc Pancreatic digest of casein) 15,0 g/l; - Soya Peptone (hoặc Soya peptone (papainic) hoặc Papaic digest of soyabean meal hoặc Enzymatic digest of soya bean) 5,0 g/l; - Sodium Chloride 5,0g/l - Agar (hoặc Bacteriological agar) 15-25 g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai	500g	Chai	2	1.375.000	2.750.000
38	PP2600311862	Cột sắc ký khí DB-WAX (30m*0,32mm m*0,25um)	Cột sắc ký 30 Meter x 0.32 mm ID Carbowax 20M Bonded 0.25 um, each	230-3202	Từ 2023 trở về sau	Mỹ	Ohio Valley Specialty Company	Cột GC DB-WAX Vật liệu cột Polyethylene Glycol (PEG) Độ dày lớp film 0,25 µm Đường kính trong 0,32 mm Nhiệt độ cao nhất đến 250/260°C Nhiệt độ thấp nhất khi vận hành 20 °C Chiều dài cột 30 m	Cái	Cái	1	21.788.000	21.788.000
Tổng cộng													293.881.000
3. Công ty Cổ phần Sinh học và Ứng dụng Việt Nam													
1	PP2600311726	Dung dịch Acid sulfuric H2SO4	Sulfuric acid	1120801000	2025 trở đi	Đức	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1000ml/chai	1L/chai	Chai	3	748.440	2.245.320
2	PP2600311734	Hóa chất Acid metaphosphoric	meta-Phosphoric acid	1005460500	2025 trở đi	Đức	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc	500g/lọ	Lọ	1	6.944.400	6.944.400

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								tương đương Quy cách đóng gói 500g/lọ					
3	PP2600311744	Hóa chất Sodium carbonate	Sodium carbonate	1063920500	2025 trở đi	Đức	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 500g/chai	500g/chai	Chai	2	707.400	1.414.800
4	PP2600311745	Hóa chất Acid metaphosphoric	meta-Phosphoric acid	1005460100	2025 trở đi	Đức	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 100g/chai	100g/lọ	Chai	2	2.824.200	5.648.400
5	PP2600311748	Acid Formic	Formic acid	1002641000	2025 trở đi	Phần Lan	Supelco/Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1lít/chai	1L/chai	Chai	2	1.296.000	2.592.000
6	PP2600311763	Dung dịch Aceton	Acetone	1000141000	2025 trở đi	Đức	Supelco/Merck	Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương	1L/chai	Lít	1	410.400	410.400
7	PP2600311793	Hóa chất NaOH	Sodium hydroxide	1064981000	2025 trở đi	Đức	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1kg/chai	1kg/chai	Chai	6	709.560	4.257.360
8	PP2600311798	Acid succinic	Succinic acid	1006820500	2025 trở đi	Đức	Sigma-Aldrich	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 500g/chai	500g/chai	Chai	1	1.863.000	1.863.000
9	PP2600311799	Acid Oxalic	Oxalic acid dihydrate	1004950500	2025 trở đi	Đức	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 500g/chai	500g/chai	Chai	2	1.771.200	3.542.400
10	PP2600311802	Dung môi DMSO	Dimethyl sulfoxide	1029521011	2025 trở đi	Nhật Bản	Merck	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1 lít/chai	1L/chai	Chai	1	1.853.280	1.853.280
Tổng cộng													30.771.360

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
4. Công ty TNHH Chanu													
1	PP2600311723	Dung dịch Acid acetic	Dung dịch Acid acetic	RP1002-G1L	2024-2026	Thái Lan	Labscan - Thái Lan	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1000ml/chai	1L/chai	Chai	3	561.600	1.684.800
2	PP2600311724	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	AR1107-G1L	2024-2026	Thái Lan	Labscan - Thái Lan	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1 lit/chai	1L/chai	Chai	6	475.200	2.851.200
3	PP2600311736	Hóa chất Ammonium acetate	Hóa chất Ammonium acetate	GRM295-500G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 500g/chai	500g/chai	Chai	2	864.000	1.728.000
4	PP2600311737	Nội Chuẩn Aflatoxin M1 C13	Nội Chuẩn Aflatoxin M1 C13	STD#1091U	2024-2026	Trung Quốc	Pribolab - Trung Quốc	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 1,2ml/lọ	1,2ml/lọ	Lọ	3	22.464.000	67.392.000
5	PP2600311742	Dung dịch NH4OH	Dung dịch NH4OH	1.054.321.011	2024-2026	Đức	Merck - Đức	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích (tương đương tiêu chuẩn ACS) Quy cách đóng gói 1000ml/chai	1L/chai	Chai	2	432.000	864.000
6	PP2600311743	Hóa chất Sodium chloride	Hóa chất Sodium chloride	AR1167-P1KG	2024-2026	Thái Lan	Labscan - Thái Lan	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 1000g/chai	1kg/chai	Chai	2	540.000	1.080.000
7	PP2600311749	Hóa chất acid ascorbic	Hóa chất acid ascorbic	CMS1014-100G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 100g/chai	100g/chai	Chai	3	1.220.400	3.661.200

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
8	PP2600311764	Ống chuẩn Acid Oxalic	Ống chuẩn Acid Oxalic	1.099.650.001	2024-2026	Đức	Merck - Đức	Ống chuẩn 0,1N tương đương nồng độ 0,05mo/l pha trong thành 1L dung dịch $c(C_2 H_2 O_4) = 0,05 \text{ mol/l}$ (0,1 N) Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương	Ống/Hộp	Ống	3	1.512.000	4.536.000
9	PP2600311765	Ống chuẩn NaOH 0,1N	Ống chuẩn NaOH 0,1N	1.099.590.001	2024-2026	Đức	Merck - Đức	Ống chuẩn NaOH 0,1N Nồng độ NaOH = 0,1 mol/l (0,1 N) Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương	Ống/Hộp	Ống	3	723.600	2.170.800
10	PP2600311794	Sodium borohydride	Sodium borohydride	189.301.000	2024-2026	Mỹ	Acros - Bỉ	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 100g/chai	100g/chai	Chai	2	3.132.000	6.264.000
11	PP2600311795	Hóa chất L-acid ascorbic	Hóa chất L-acid ascorbic	CMS1014-100G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 100g/chai	100 g/chai	Chai	2	1.220.400	2.440.800
12	PP2600311796	Acid citric	Acid citric	GRM1023-500G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 500g/chai	500g/chai	Chai	1	1.155.600	1.155.600
13	PP2600311797	Dinatri hydrophosphat Na ₂ HPO ₄	Dinatri hydrophosphat Na ₂ HPO ₄	GRM1417-500G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 500g/chai	500g/chai	Chai	1	788.400	788.400
14	PP2600311818	Môi trường Tryptone Bile X-glucuronide (TBX) Agar	Môi trường Tryptone Bile X-glucuronide (TBX) Agar	M1591-500G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Thành phần như sau: - Enzymatic Digest of Casein (hoặc Tryptone hoặc Peptone) 20,0 g/l; - Bile Salts No.3 1,5g/l; - 5-bromo-4-chloro-3-indolyl-beta-D-glucuronic acid (BCIG) 144µmol/lit (hoặc Cyclohexylammonium salt hoặc	500g/chai	Chai	1	1.944.000	1.944.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								X-Glucoronide hoặc X-beta-D-glucuronic hoặc BCIG) 0,075 g/l - Dimethyl sulfoxide (DMSO): 3 ml/l(có hoặc không có) - Agar (hoặc Bacteriological agar) 9-18 g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai					
15	PP2600311820	Môi trường MacConkey broth	Môi trường MacConkey broth	M083I-500G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Thành phần như sau: Peptone 20,0 g/l; Lactose 10,0 g/l; Sodium Chloride 5,0 g/l; Bile Salts No.3 5,0 g/l; Bromocresol Purple 0,01 g/l. Quy cách đóng gói 500gr/chai	500g/chai	Chai	1	1.306.800	1.306.800
16	PP2600311821	Môi trường MacConkey agar	Môi trường MacConkey agar	M081-500G	2024-2026	Ấn Độ	Himedia - Ấn Độ	Thành phần như sau: Pancreatic Digest of Gelatin 17,0 g/l; Peptone from Meat 1,5 g/l; Peptone from Casein 1,5 g/l; Lactose 10,0 g/l; Sodium Chloride 5,0 g/l; Bile Salts 1,5 g/l; Agar 15,0 g/l; Neutral Red 0,03 g/l; Crystal Violet 0,001 g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai	500g/chai	Chai	1	1.317.600	1.317.600
17	PP2600311828	Găng tay cao su không bột	Găng tay cao su không bột	SS.LPF	2024-2026	Việt Nam	HTC - Việt Nam	- Nguyên liệu: cao su tự nhiên - Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay - Hàm lượng bột: ≤ 2 mg/găng tay Bao gồm các size: XS, S, M, L. Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng	50 đôi/hộp	Đôi	500	1.701	850.500
18	PP2600311829	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	101-110	2024-2026	Trung Quốc	Newstar - Trung Quốc	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm Quy cách đóng gói 100 cái/hộp	100 cái/hộp	Hộp	15	75.600	1.134.000
19	PP2600311830	Giấy lọc đường kính 47mm, kích thước lỗ 0,45um (PTFE)	Giấy lọc đường kính 47mm, kích thước lỗ 0,45um (PTFE)	FBM047CN045GS-100	2024-2026	Trung Quốc	Filter Bio - Trung Quốc	Vật liệu lọc: Cellulose Nitrate hoặc tương đương. Đường kính 47mm, lỗ lọc 0,45um Quy cách đóng gói 100 cái/hộp	100 cái/hộp	Hộp	4	529.200	2.116.800

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	PP2600311831	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không có code	2024-2026	Việt Nam	Việt Nam	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn Quy cách đóng gói 50 cái/hộp	50 cái/hộp	Hộp	15	34.650	519.750
21	PP2600311833	Pipet thủy tinh 10mL	Pipet thủy tinh 10mL	BLS.1700.13	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương	Cái	Cái	10	56.160	561.600
22	PP2600311834	Pipet bầu thủy tinh 10ml	Pipet bầu thủy tinh 10ml	BLS.VP.179	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương	Cái	Cái	10	72.360	723.600
23	PP2600311835	Pipet thủy tinh 5mL	Pipet thủy tinh 5mL	BLS.1700.08	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương	Cái	Cái	10	82.080	820.800
24	PP2600311836	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	BLS.VP.174	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương	Cái	Cái	10	66.960	669.600
25	PP2600311838	Cột UHPLC C18	Cột UHPLC C18	186.007.372	2024-2026	Ireland	Waters - Mỹ	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Polar C18 Kích thước hạt: 2,7 µm Đường kính cột, Chiều dài: 3 mm x 100mm pH: 2-8 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Khóa đuôi (Endcapped): Có Kích thước lỗ hạt: 90Å Diện tích bề mặt: 100 m2/g Carbon Load: 6,6%	Cái	Cái	2	26.352.000	52.704.000
26	PP2600311844	Nước cất siêu sạch	Nước cất siêu sạch	Không có code	2024-2026	Việt Nam	Suối Nguồn - Việt Nam	Nước deion trong suốt Độ dẫn điện ≤ 5µS/cm	25L/can	Lít	260	48.600	12.636.000
27	PP2600311854	Ống dòng thủy tinh 1000 ml	Ống dòng thủy tinh 1000 ml	BLS.H.167	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	Cái	3	540.000	1.620.000
28	PP2600311855	Ống dòng thủy tinh 100 ml	Ống dòng thủy tinh 100 ml	2063050/5	2024-2026	Ấn Độ	Arco - Ấn Độ	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	Cái	3	172.800	518.400
29	PP2600311857	Bình tam giác 250ml	Bình tam giác 250ml	BLS.1202.04	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Loại cổ rộng Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	Cái	20	74.520	1.490.400
30	PP2600311858	Bình tam giác 125ml	Bình tam giác 125ml	BLS.1201.03 A	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	Cái	20	54.000	1.080.000
31	PP2600311869	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	101-090	2024-2026	Trung Quốc	Newstar - Trung Quốc	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm Quy cách đóng gói 100 cái/hộp	100 cái/hộp	Hộp	15	74.520	1.117.800
32	PP2600311872	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	BLS.1700.08	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	Cái	200	45.360	9.072.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
33	PP2600311874	Bình định mức 50mL tối màu	Bình định mức 50mL tối màu	BLS.AM.1203	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa. Bình màu nâu	Cái	Cái	8	196.560	1.572.480
34	PP2600311875	Bình định mức 25mL tối màu	Bình định mức 25mL tối màu	BLS.AM.1202	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa. Bình màu nâu	Cái	Cái	10	154.440	1.544.400
35	PP2600311876	Bình định mức 10mL tối màu	Bình định mức 10mL tối màu	BLS.AM.1200	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa. Bình màu nâu	Cái	Cái	10	154.440	1.544.400
36	PP2600311877	Bình định mức 100mL	Bình định mức 100mL	BLS.U.1206	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa	Cái	Cái	5	138.240	691.200
37	PP2600311878	Bình định mức 250mL	Bình định mức 250mL	BLS.U.1208	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa	Cái	Cái	5	154.440	772.200
38	PP2600311879	Bình định mức 1L	Bình định mức 1L	2064420/12	2024-2026	Ấn Độ	Arco - Ấn Độ	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa Thể tích 1L	Cái	Cái	2	244.080	488.160
39	PP2600311880	Bình định mức 2L	Bình định mức 2L	BLS.U.1211	2024-2026	Ấn Độ	Biohall - Đức	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A hoặc tương đương Vạch định mức, nắp nhựa Thể tích 2L	Cái	Cái	2	716.040	1.432.080
40	PP2600311889	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18 UPLC	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18 UPLC	186.003.033	2024-2026	Ireland	Waters - Mỹ	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 3,5µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 4,6 mm Khoảng pH: 1-12 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) Pore size: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g Carbon load: 18% USP: L1	Cái	Cái	1	26.892.000	26.892.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
41	PP2600311890	Cột sắc ký lỏng UPLC	Cột sắc ký lỏng UPLC	WAT086344	2024-2026	Ireland	Waters - Mỹ	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 4µm Chiều dài, đường kính cột: 150 x 3,9mm Khoảng pH: 2-8 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) Pore size: 60Å Diện tích bề mặt: 120 m2/g Carbon load: 7% USP: L1	Cái	Cái	1	23.004.000	23.004.000
42	PP2600311893	Cột C18 cho HPLC 6.5*300mm	Cột C18 cho HPLC 6.5*300mm	WAT085188	2024-2026	Ireland	Waters - Mỹ	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 10µm Chiều dài, đường kính cột: 300 x 6,5 mm Đường kính trong: 6.5mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) USP: L19		Cái	1	53.676.000	53.676.000
43	PP2600311894	Cột BEH Amide	Cột BEH Amide	186.004.801	2024-2026	Ireland	Waters - Mỹ	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Amide Kích thước hạt: 1,7 µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 2.1 mm Khoảng pH: 2-11 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Pore size: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m2/g Carbon load: 12% USP: L68	Cái	Cái	1	33.588.000	33.588.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
44	PP2600311896	Cột chiết pha rắn	Cột chiết pha rắn	COHLB6500 C18	2024-2026	Trung Quốc	Biocomma - Trung Quốc	Pha tĩnh: HLB (Hydrophilic-Lipophilic Balance) Thể tích: 6 cc Khối lượng chất hấp thụ: 500 mg pH: 0-14 Kích thước hạt: 60 µm Chất nền hấp thụ: Copolymer Kích thước lỗ hạt: 80Å Vật liệu: Polypropylene	30 cái/gói	Cái	100	178.200	17.820.000
45	PP2600311900	Cột chiết	Cột chiết	COC183500C18	2024-2026	Trung Quốc	Biocomma - Trung Quốc	Pha tĩnh: C18 Kích thước hạt: 55 - 105 µm Phương pháp tách: Pha đảo Chất nền hấp thụ: Silica Kích thước lỗ hạt: 125Å Khoảng pH: 2-8 Thể tích: 3 cc Khối lượng chất hấp thụ: 500 mg. Hộp 50c Khóa đuôi: có Thể tích hold up: 0,8 mL	50 cái/hộp	Cái	50	63.720	3.186.000
Tổng cộng													355.031.370
5. Công ty TNHH Dược F.D&C													
1	PP2600311832	Giấy lọc đường kính 47 mm, lỗ lọc 0,45 µm (Cellulose Acetate)	Màng lọc CA 47mm 0.45µm	C0000876	2020 đến nay	Trung Quốc	Labfil-Alwsci	Chất liệu lọc: Cellulose Acetate . Kích thước lỗ lọc 0,45µm, đường kính 47mm Quy cách đóng gói 100 tờ/hộp	Hộp/ 100 hộp	Hộp	2	315.900	631.800
2	PP2600311841	Ống ly tâm 50 ml	Ống ly tâm nhựa 50 ml	CFT511500	2020 đến nay	Trung Quốc	Jetbiofil	Chất liệu Polypropylene, nhựa trong, đáy nhọn, nắp vặn, đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Thể tích: 50 ml	25 cái/ gói, 500 cái/ thùng	Cái	1.000	3.088	3.088.000
3	PP2600311842	Cột chiết pha rắn	Cột chiết pha rắn Copure® HLB SPE 60mg/3mL	COHLB360C16	2024 đến nay	Trung Quốc	Biocomma	Pha tĩnh: HLB (Hydrophilic-Lipophilic Balance) Kích thước hạt: 30 µm Phương pháp tách: Pha đảo Chất nền hấp thụ: Copolymer Kích thước lỗ hạt: 80Å Khoảng pH: 0 - 14	hộp / 50 cái	Cái	200	46.656	9.331.200

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Vật liệu: Polypropylene Thể tích: 3 cc Khối lượng chất hấp thụ: 60 mg					
4	PP2600311866	Cột chiết tách sắc ký SCX	Cột chiết pha rắn Copure® SCX SPE 60mg/3mL	COSCX360C16	2024 đến nay	Trung Quốc	Biocomma	Ống thể tích 3 ml bằng nhựa PP Kích thước hạt: 30 µm Định lượng bột nhồi 60mg pH: 0-14 Pore size: 80Å Chất nền hấp thụ: Copolymer Khả năng trao đổi ion: 1 meq/gram Khóa đuôi: không	50 cái/ hộp	Cái	300	47.520	14.256.000
Tổng cộng													27.307.000
6. Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hoa Thiên													
1	PP2600311808	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	Môi trường Brilliant green agar (BGA)	4012552	2025/2026	Ý	Biolife	Thành phần như sau: - Yeast Extract 3 g/l; - Sodium Chloride 5,0 g/l - Lactose (hoặc Lactose monohydrate) 10 g/l; - Sucrose 10 g/l; - Phenol Red 0,08-0,09 g/l; - Brilliant Green 0,0125 g/l; - Agar (hoặc Bacteriological agar) 12-20 g/l; - Peptone (hoặc Bacteriological peptone hoặc Proteose peptone) 10g/l hoặc có thể thay thế chất này bằng hỗn hợp gồm các thành phần sau: Meat Peptone 5,0 g/l và Casein Peptone 5 g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai	500 g/Chai	Chai	1	1.475.280	1.475.280
2	PP2600311810	Môi trường Buffered Peptone Water (Nước Pepton đậm)	Môi trường Buffered Peptone Water	4017452	2025/2026	Ý	Biolife	Thành phần như sau: - Enzymatic Digest of Casein (Proteose peptone) 10,0g/l - Sodium Chloride 5,0g/l - Disodium Hydrogen Phosphate (Disodium phosphate, anhydrous) 3,5g/l - Potassium Dihydrogen Phosphate (Monopotassium	500 g/Chai	Chai	1	913.000	913.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								phosphate) 1,5g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai					
3	PP2600311812	Môi trường XLD Agar (Môi trường Xylose lysine deoxycholate agar)	Môi trường XLD Agar	4022082	2025/2026	Ý	Biolife	Thành phần như sau: - Yeast Extract 3 g/l; - Sodium Chloride 5 g/l; - Xylose 3,75 g/l; - Lactose 7,5 g/l; - Sucrose 7,5 g/l; - L-Lysine (hoặc L-Lysine hydrochloride) 5 g/l; - Sodium Thiosulfate 6,8 g/l; - Iron(III) Ammonium Citrate (hoặc Ferric Ammonium Citrate hoặc Ammonium ferric citrate hoặc Ammonium iron (III) citrate) 0,8 g/l; - Phenol Red 0,08 g/l; - Sodium Deoxycholate 1 g/l; - Agar(Bacteriological agar) 9-18 g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai	500 g/Chai	Chai	1	1.898.000	1.898.000
4	PP2600311817	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base	Môi trường Tryptose Sulfite Cycloserine (TSC) Agar Base	4021582	2025/2026	Ý	Biolife	Thành phần như sau: Peptone (hoặc Enzymatic digest of casein) 15 g/l Enzymatic digest of soya 5 g/l Yeast extract 5 g/l Sodium Disulfite (hoặc Sodium metabisulphite) (Anhydrous) 1 g/l Iron(III) Ammonium Citrate (hoặc Ferric ammonium citrate) 1 g/l Bacteriological agar 9-18 g/l Quy cách đóng gói 500gr/chai	500 g/Chai	Chai	1	1.562.760	1.562.760
5	PP2600311819	Môi trường Chromocult Coliform Agar(CCA)	Môi trường Chromogenic Coliform Agar Iso Formulation 500g (CCA)	4012972	2025/2026	Ý	Biolife	Thành phần như sau: - Enzymatic Digest of Casein 1,0 g/l; - Yeast Extract 2,0 g/l; - Sodium Chloride 5,0 g/l; - Sodium Dihydrogen Phosphate x 2H2O (hoặc Sodium Dihydrogen Phosphate hoặc	500 g/Chai	Chai	3	8.928.360	26.785.080

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Sodium dihydrogen phosphate dehydrate 2H ₂ O) 2,2 g/l; - Di-sodium Hydrogen Phosphate 2,7 g/l; - Sodium Pyruvate 1,0 g/l; - Sorbitol 1,0 g/l; - Tryptophane 1,0 g/l; - Tergitol 15-S-7 (hoặc Tergitol 7) 0,15 g/l - 6-chloro-3-indoxyl-beta-D galactopyranoside (hoặc Salmon-beta-D galactosid hoặc Salmon-GAL) 0,2 g/l; - 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-β-D glucuronic acid (hoặc X-Glucuronide hoặc X-beta-G-glucuronide CHX salt) 0,1 g/l; - Isopropyl-beta-D-thiogalactopyranoside (hoặc IPTG) 0,1 g/l; - Agar (hoặc Bacteriological agar) 9-18 g/l; Quy cách đóng gói 500gr/chai					
Tổng cộng													32.634.120
7. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu													
1	PP2600311731	Chuẩn Dexamethason	Chuẩn Dexamethason e	673003	2023-2026	Đức	HPC	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg/lọ	Lọ	2	2.203.200	4.406.400

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
2	PP2600311772	Chuẩn Vitamin B12	Chuẩn Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	680414	2023-2026	Đức	HPC	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	100mg/lọ	Lọ	1	1.728.000	1.728.000
3	PP2600311822	Môi trường casein soya bean digest broth (Tryptone Soya Broth)	Môi trường casein soya bean digest broth (Tryptone Soya Broth)	M011-500G	2023-2026	Ấn Độ	Himedia	Thành phần như sau: Pancreatic Digest of Casein 17,0 g/l; Papaic Digest of Soya Bean 3,0 g/l; Sodium Chloride 5,0 g/l; Dipotassium Hydrogen Phosphate 2,5 g/l; Glucose Monohydrate 2,5 g/l. Quy cách đóng gói 500gr/chai	500 g/chai	Chai	1	777.600	777.600
4	PP2600311902	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Đĩa nhựa Petri PS, 90x15mm ; 20 cái/ túi; 500cái/Thùng; 14.5g/Cái - HP0006-Gamma	HP0006-G-CAI	2023-2026	Trung Quốc	JIANGSU HUIDA	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 90x15 mm	500 cái/thùng	Cái	4.000	1.701	6.804.000
5	PP2600311907	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Đĩa petri nhựa vô trùng 60x15mm (20 cái/ túi, 1000 cái/ thùng, 7g/cái) - HP0002-HUIDA	HP0002-HUIDA-CAI	2023-2026	Trung Quốc	JIANGSU HUIDA	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 60x15 mm	1000 cái/thùng	Cái	2.000	1.433	2.866.000
Tổng cộng													16.582.000
8. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab													
1	PP2600311807	Chất bổ sung Egg Yolk emulsion	Môi trường, EGG YOLK emulsion	80219	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Thành phần: Lòng đỏ trứng gà trong một thể tích bằng nhau của dung dịch muối (0,85%- 0,9% NaCl)	Hộp/4 chai x 50ml	ml	1.000	8.060	8.060.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Quy cách đóng gói tối đa 50ml/chai					
2	PP2600311816	Môi trường Slanetz-Bartley không có TTC	Môi trường, SLANETZ BARTLEY AGAR BASE	610134	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Thành phần như sau: - Tryptose 20 g/l - Yeast extract 5 g/l - Glucose (hoặc D(+)-Glucose) 2 g/l - Dipotassium hydrogenphosphate (hoặc Disodium hydrogen phosphate monohydrate hoặc Dipotassium phosphate) 4 g/l - Sodium azide 0,4 g/l - Agar (hoặc Bacteriological agar) 8-18 g/l; Quy cách đóng gói 500gr/chai	Chai/500g	Chai	1	2.155.360	2.155.360
3	PP2600311826	Đầu côn không lọc có khóa 1000 ul	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu, Graduated Universal 1000ul Pipette Tips	BN0332	2025 trở đi	Trung Quốc	Jiangsu Benoy Lab Instrument Co., Ltd	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	1000 cái/túi	Cái	5.000	200	1.000.000
4	PP2600311827	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu, Graduated Universal 200ul Pipette Tips	BN0331	2025 trở đi	Trung Quốc	Jiangsu Benoy Lab Instrument Co., Ltd	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	1000 cái/túi	Cái	3.000	120	360.000
5	PP2600311840	Ổng ly tâm 15ml	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu, 15ml Centrifuge Tube, Sterile, Conical bottom, Bulk	HCT-15-S-B	2025 trở đi	Trung Quốc	Hangzhou Galactics Medical Instrument Co., Ltd	Chất liệu Polypropylene, nhựa trong, đáy nhọn, nắp vặn, đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Thể tích: 15 ml	50 cái/túi	Cái	500	2.000	1.000.000
6	PP2600311846	Micropipet 5.000uL một kênh	Dụng cụ hút/lấy mẫu Variable Volume Micropipette 500-5000µl	SVA-905	2025 trở đi	Ấn Độ	Accumax Lab Devices Private Limited	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời	Cái/hộp	Cái	3	2.662.000	7.986.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 10μl Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip					
7	PP2600311847	Micropipet 10.000uL một kênh	Dụng cụ hút/lấy mẫu Variable Volume Micropipette 1000-10000μl	SVA-1000	2025 trở đi	Ấn Độ	Accumax Lab Devices Private Limited	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 20μl Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái/hộp	Cái	3	2.662.000	7.986.000
Tổng cộng													28.547.360
9. Công ty TNHH MTV Novalab													
1	PP2600311722	Dung dịch Acetonitril	Dung dịch Acetonitril	BAKR9152-80	Tối thiểu từ năm 2026	China	JTBaker	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Quy cách đóng gói 4L/chai	chai 4L	Chai	10	972.000	9.720.000
2	PP2600311733	Chuẩn Acid Ascorbic	Chuẩn Acid Ascorbic	PA 01 77000	Tối thiểu từ năm 2023	Ấn Độ	Pharmaffiliates	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 500mg/lọ	lọ 500mg	Lọ	2	2.385.000	4.770.000
3	PP2600311770	Chuẩn Aildenafil	Chuẩn Sildenafil	PA 19 08000	Tối thiểu từ năm 2023	Ấn Độ	Pharmaffiliates	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	lọ 100 mg	Lọ	1	3.339.000	3.339.000
4	PP2600311788	Chuẩn Pennicilline V	Chuẩn Penicillin V	PA 69 32000	Tối thiểu từ năm 2023	Ấn Độ	Pharmaffiliates	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác	lọ 10mg	Lọ	2	3.456.000	6.912.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 10mg/lọ					
5	PP2600311791	Chuẩn Procaine benzylpenicillin	Chuẩn Benzylpenicillin Procaine Monohydrate	PA 02 24000	Tối thiểu từ năm 2023	Ấn Độ	Pharmaffiliates	Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin xác nhận phổ chuẩn IR/NMR/MS/HPLC Quy cách đóng gói 100mg/lọ	lọ 100mg	Lọ	1	5.247.000	5.247.000
Tổng cộng													29.988.000
10. Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Lan Oanh													
1	PP2600311904	Dụng cụ trợ pipet cầm tay	Thiết bị hút mẫu định lượng Midi Plus	710931	Từ năm 2024 trở về sau	Phân Lan	Sartorius - Đức	Loại điện tử Thích hợp với các loại pipet 1-100ml - Tốc độ hút: > 10 ml/s - Có 2 chế độ hút và nhả dung dịch - Màng lọc kị nước có thể hấp khử trùng được - Có thể điều chỉnh tốc độ hút nhả chất lỏng - Cảnh báo pin yếu - Đầu silicon có thể hấp tiệt trùng ở 121°C - Trọng lượng <230 g - Có chân giá đỡ để đặt lên bàn	Cái	Cái	4	11.988.000	47.952.000
Tổng cộng													47.952.000
11. Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nam Thảo													
1	PP2600311823	Bình lắng gạn 1000mL	Phễu chiết quả lê, khóa PTFE và nắp đậy PE, kích thước cổ 29/32, có chia vạch, dung tích 1000mL	149.209.06	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh borosilicate Phễu chiết hình quả lê, khóa nhựa	1 cái/hộp	Cái	6	1.188.000	7.128.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
2	PP2600311837	Kit tách chiết theo phương pháp Queschers	Bộ chiết QuEChERS dùng chiết và làm sạch mẫu phân tích trong phòng thí nghiệm, gồm muối chiết và ống ly tâm 50 mL, thành phần 6 g $MgSO_4$ và 1,5 g Natri Acetate	COQ050020 H	2026	TQ	Biocomma	Mỗi ống thể tích 50 ml có chứa 6 g $MgSO_4$; 1,5g Na Acetate	50 cái/hộp	Cái	100	21.816	2.181.600
3	PP2600311845	Micropipet 1.000uL một kênh	Micropipet 1 kênh dài thể tích 100-1000uL	7030601014 (model HiPette)	2026	TQ	Dlab	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 1uL Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	1 cái/hộp	Cái	3	2.592.000	7.776.000
4	PP2600311848	Bình thủy tinh nắp xanh 2L	Chai trung tính thủy tinh borosilicate 3.3, dung tích 2000mL	274.202.05	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: Thủy tinh trung tính Duran hoặc tương đương - Dung tích: 2000ml - Thang chia vạch, vùng nhãn bằng men trắng, độ bền cao, chịu nhiệt tốt. - Đồng bộ với chai gồm nắp vặn xanh nhựa PP, và vòng đệm PP.	1 cái	Cái	5	405.000	2.025.000
5	PP2600311851	Cốc có mô thủy tinh 100 ml	Cốc có mô thủy tinh 100 ml	229.202.05	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	1 cái	Cái	6	36.720	220.320
6	PP2600311852	Cốc có mô thủy tinh 250 ml	Cốc có mô thủy tinh 250 ml	229.202.07	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	1 cái	Cái	6	50.760	304.560
7	PP2600311853	Cốc có mô thủy tinh 1000 ml	Cốc có mô thủy tinh 1000 ml	229.202.10	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	6 cái/hộp	Cái	6	129.600	777.600

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
8	PP2600311856	Ông đồng thủy tinh 500 ml	Ông đồng thủy tinh 500 ml	139.202.06A	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	2 cái/hộp	Cái	3	382.320	1.146.960
9	PP2600311859	Ông nghiệm thủy tinh, đường kính 10 mm, dài 100 mm	Ông nghiệm thủy tinh, kích thước 10x100 mm	27729.669	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 10 mm Chiều dài 100 mm	1 cái	cái	150	5.400	810.000
10	PP2600311881	Ông nghiệm thủy tinh, đường kính 16 mm, dài 100 mm	Ông nghiệm thủy tinh kích thước 16 mm x 100 mm	27729.576	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 16 mm Chiều dài 100 mm	1 cái	Cái	100	2.160	216.000
11	PP2600311882	Ông nghiệm thủy tinh đường kính 30 mm, dài 20cm	Ông nghiệm thủy tinh kích thước 30 mm x 200 mm	27729.692	2026	Ấn Độ	Glassco	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 30 mm Chiều dài 200 mm	Cái	Cái	100	7.560	756.000
Tổng cộng													23.342.040

12. Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang

1	PP2600311870	Kim tiêm 5ml	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 5ml/cc 25Gx1"	BT5-KT-VH 2	2025	Việt Nam	Vinahankook	Được làm từ vật liệu nhựa PP dùng trong y tế Dung tích 5ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ Quy cách đóng gói 100 cái/hộp	Hộp/100 cái	Hộp	15	95.000	1.425.000
2	PP2600311883	Giá đỡ ống nghiệm bằng inox 40 vị trí	Giá đỡ ống nghiệm bằng inox	KGV	2025	Việt Nam	Công ty Ty NOX Không Gian Việt	Chất liệu inox	Cái	Cái	10	95.000	950.000
3	PP2600311906	Hộp inox đựng dụng cụ	Hộp inox đựng dụng cụ	HOPCN	2026	Việt Nam	Công ty INOX Không gian Việt	Làm bằng inox 304, Kích thước: 19 x 9 x 4 cm	Cái	Cái	10	80.000	800.000
Tổng cộng													3.175.000